

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 989 /TB-BVYT

Yên Thành, ngày 22 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các công ty, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung ứng đồ vải phục vụ bệnh nhân tại Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành.
- Thông tin liên hệ: Lê Thị Linh, nhân viên phòng Hành chính tổ chức, số điện thoại: 0948.016.579, Email: linhbvyenthanh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Lê Thị Linh Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành, xóm 2, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An.

- Nhận qua email: linhbvyenthanh@gmail.com

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h00 phút ngày 22/11/2023 đến 15h00 phút ngày 01/12/2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa cần mua: (Chi tiết được đính kèm phụ lục 1)
- Những nội dung yêu cầu báo giá: (Chi tiết được đính kèm tại phụ lục 2)
- Địa điểm nhận hàng: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành, Nghệ An.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 60 ngày kể từ khi bên cung cấp nhận được đơn đặt hàng từ Bệnh viện./.
- Dự kiến về điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thời hạn dự kiến thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ khi bàn giao đầy đủ hồ sơ chứng từ đúng quy định cho Bệnh viện. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Luyện Văn Trịnh

Phụ lục 1: Đồ vải phục vụ bệnh nhân:

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Ga chun trái giường bệnh nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có chun, có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài 	Cái	54
2	Ga giường tiểu phẫu và bó bột, giường khám bệnh nhân, giường siêu âm, điện tim, nội soi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) 	Cái	24



Handwritten signature or initials.

		<ul style="list-style-type: none"> - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018 - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có chun, có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài 		
3	Ga trải bàn (1,2*5m) Màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m2: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm3/s/cm2): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018 - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài 	Cái	5
4	Ga trải bàn KT: 0,8*2m(Vải kaki màu xanh)	<ul style="list-style-type: none"> Tên vải: Vải Kaki 100% Cotton màu xanh - Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m2: 273 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 457 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 225 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥11.8Ngang (N) ≥15.8 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 100% bông (ISO/TR 11827: 2012) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm3/s/cm2): ≥ 5.6 (TCVN 5092: 	Cái	10

		<p>2009)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ lệch màu so với Pantone 17-2257 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 		
5	Săng có lỗ KT: 0,8m*1m	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoát khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 	Cái	50
6	Săng có lỗ KT: 0,8*0,8m	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 	Cái	40

		<p>2007)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 		
7	Săng KT: 1m*0,8m	<p>Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40^oC (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 	Cái	150
8	Săng lót khay châm cứu (0,5*0,3 m)	<p>Tên vải: Vải kaki thun trắng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 245 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 484 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 296 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 58; Ngang (N) ≥ 35 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 71,7 % Polyeste (±1), 25,7 % Visco (±1), 2,6 % Spandex (±1)(ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; 	Cái	4

		<p>TCVN 5465-11: 2009</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 4-5 - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 5(TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): ≥ 1 - 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có thêu logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. 		
9	Săng KT: 1m*1,2m	<p>Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 	Cái	30
10	Săng KT: 1m*1,1 m	<p>Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 13937-1: 2000) 	Cái	100

		<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 		
11	Săng KT: 1m*1,5m	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 	Cái	90
12	Săng KT: 1,4m*1,6m	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 	Cái	120

14	Ri đô phòng trực KT: 2,5 x 4,0	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân đằm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: May chắc chắn có móc treo để treo lên. 	Cái	2
	Áo choàng bệnh nhân chụp X-quang	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu xanh - Kiểu dệt: Vân đằm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40 °C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421- 	Cái	6

		<p>13937-1: 2000)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 		
13	Săng KT: 1,8m*2m	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 	Cái	100

		<p>1:2013)</p> <ul style="list-style-type: none">- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018)*Yêu cầu chung: Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo bệnh viện phía trên ngực trái và chữ “ CDHA” phía sau lưng.-Cách thức may đo, bàn giao: Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.		
--	--	---	--	--

28



Phụ lục 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BVYT ngày tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành)

Kính gửi: **Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số: /TB-BVYT ngày tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành

Tên công ty:.....

Địa chỉ :

Số điện thoại:

Mail:.....

Công ty xin báo giá như sau:

1. Báo giá đồ vải phục vụ bệnh nhân như sau:

STT	Tên Hàng hóa	Chất liệu, quy cách	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng	Đơn giá (bao gồm các chi phí, lệ phí liên quan)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1							

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày tháng năm 2023

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

Ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC